

**Phụ lục 1**

**BẢNG GIAO CHỈ TIÊU THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VỀ VIỆC NĂM 2021**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1069/QĐ-TCTHADS ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự)

TT	Đơn vị	Tỷ lệ thi hành xong/số có điều kiện thi hành
1	An Giang	81,5%
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	81,5%
3	Bắc Giang	81,5%
4	Bắc Kạn	83,5%
5	Bạc Liêu	81,5%
6	Bắc Ninh	82%
7	Bến Tre	81,5%
8	Bình Định	82,5%
9	Bình Dương	81,5%
10	Bình Phước	81,5%
11	Bình Thuận	81,5%
12	Cà Mau	81,5%
13	Cần Thơ	81,5%
14	Cao Bằng	83,5%
15	Đà Nẵng	81,5%
16	Đắk Lắk	81,5%
17	Đắk Nông	81,5%
18	Điện Biên	83%
19	Đồng Nai	81,5%
20	Đồng Tháp	81,5%
21	Gia Lai	81,5%
22	Hà Giang	83,5%
23	Hà Nam	83,5%
24	Hà Nội	81,5%
25	Hà Tĩnh	83,5%
26	Hải Dương	82,5%
27	Hải Phòng	82,5%
28	Hậu Giang	81,5%
29	Hồ Chí Minh	81,5%
30	Hoà Bình	83%
31	Hưng Yên	83%
32	Khánh Hoà	81,5%

*mm*

TT	Đơn vị	Tỷ lệ thi hành xong/số có điều kiện thi hành
33	Kiên Giang	81,5%
34	Kon Tum	83,5%
35	Lai Châu	83,5%
36	Lâm Đồng	82%
37	Lạng Sơn	83%
38	Lào Cai	83%
39	Long An	81,5%
40	Nam Định	83%
41	Nghệ An	81,5%
42	Ninh Bình	82,5%
43	Ninh Thuận	82%
44	Phú Thọ	82,5%
45	Phú Yên	82%
46	Quảng Bình	83,5%
47	Quảng Nam	82,5%
48	Quảng Ngãi	83%
49	Quảng Ninh	83%
50	Quảng Trị	83,5%
51	Sóc Trăng	81,5%
52	Sơn La	82,5%
53	Tây Ninh	81,5%
54	Thái Bình	82,5%
55	Thái Nguyên	82%
56	Thanh Hoá	82,5%
57	Thừa Thiên - Huế	82,5%
58	Tiền Giang	81,5%
59	Trà Vinh	81,5%
60	Tuyên Quang	83%
61	Vĩnh Long	81,5%
62	Vĩnh Phúc	82,5%
63	Yên Bái	83%



**Phụ lục 2**

**BẢNG GIAO CHỈ TIÊU THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VỀ TIỀN NĂM 2021**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1069/QĐ-TCTHADS ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự)*

<b>TT</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Tỷ lệ thi hành xong/số có điều kiện thi hành</b>
1	An Giang	40,1%
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	40,1%
3	Bắc Giang	40,1%
4	Bắc Kạn	41,6%
5	Bạc Liêu	40,1%
6	Bắc Ninh	40,1%
7	Bến Tre	40,1%
8	Bình Định	40,1%
9	Bình Dương	40,1%
10	Bình Phước	40,1%
11	Bình Thuận	40,1%
12	Cà Mau	40,1%
13	Cần Thơ	40,1%
14	Cao Bằng	41,6%
15	Đà Nẵng	40,1%
16	Đắk Lắk	40,1%
17	Đắk Nông	40,1%
18	Điện Biên	41,1%
19	Đồng Nai	40,1%
20	Đồng Tháp	40,1%
21	Gia Lai	40,1%
22	Hà Giang	40,1%
23	Hà Nam	40,1%
24	Hà Nội	40,1%
25	Hà Tĩnh	40,6%
26	Hải Dương	40,1%
27	Hải Phòng	40,1%
28	Hậu Giang	40,1%
29	Hồ Chí Minh	40,1%
30	Hoà Bình	40,1%
31	Hưng Yên	40,1%
32	Khánh Hoà	40,1%

*for*

TT	Đơn vị	Tỷ lệ thi hành xong/số có điều kiện thi hành
33	Kiên Giang	40,1%
34	Kon Tum	40,6%
35	Lai Châu	42,1%
36	Lâm Đồng	40,1%
37	Lạng Sơn	41,1%
38	Lào Cai	40,6%
39	Long An	40,1%
40	Nam Định	40,1%
41	Nghệ An	40,1%
42	Ninh Bình	40,1%
43	Ninh Thuận	40,6%
44	Phú Thọ	40,1%
45	Phú Yên	40,1%
46	Quảng Bình	40,1%
47	Quảng Nam	40,1%
48	Quảng Ngãi	40,1%
49	Quảng Ninh	40,1%
50	Quảng Trị	41,1%
51	Sóc Trăng	40,1%
52	Sơn La	41,1%
53	Tây Ninh	40,1%
54	Thái Bình	40,1%
55	Thái Nguyên	40,1%
56	Thanh Hóa	40,1%
57	Thừa Thiên - Huế	40,1%
58	Tiền Giang	40,1%
59	Trà Vinh	40,1%
60	Tuyên Quang	41,1%
61	Vĩnh Long	40,1%
62	Vĩnh Phúc	40,6%
63	Yên Bái	41,1%